

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CHUYỂN ĐỔI MÔN HỌC LỰA CHỌN
MÔN GDKT&PL: KHỐI 10XH

CHỦ ĐỀ 2

BÀI 3: THỊ TRƯỜNG

Câu 1: Thị trường **không** có yếu tố nào dưới đây?

- A. Nhạc sỹ. B. Người mua. C. Tiền tệ. D. Hàng hóa.

Câu 2: Hành vi chủ thể kinh tế nào dưới đây **không** đúng khi tham gia vào thị trường?

- A. Doanh nghiệp bán lẻ X tăng giá các mặt hàng khi chi phí vận chuyển tăng cao.
B. Giá rau ở chợ M tăng đột biến do rau khan hiếm, nhập về ít.
C. Công ti H giảm giá mua thanh long do đối tác ngừng hợp đồng thu mua.
D. Trạm xăng dầu B đóng cửa không bán vì giá xăng tăng lên vào ngày mai.

Câu 3: Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

- A. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.
B. Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.
C. Thị trường trong nước, thị trường ngoài nước.
D. Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán,...

Câu 4: Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

- A. làm trung gian trao đổi. B. đo lường giá trị hàng hóa.
C. thừa nhận giá trị hàng hóa. D. biểu hiện bằng giá cả.

Câu 5: Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

- A. Cầu – cạnh tranh. B. Cầu – nhà nước C. Cầu – sản xuất. D. cung – cầu.

Câu 6: Sản xuất hàng hóa số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào sau đây quyết định?

- A. Người làm dịch vụ. B. Nhà nước.
C. Thị trường. D. Người sản xuất.

Câu 7: Trong nền kinh tế hàng hóa, thị trường **không** có chức năng cơ bản nào sau đây?

- A. Điều tiết sản xuất. B. Cung cấp thông tin.
C. Kích thích tiêu dùng. D. Phương tiện cất trữ.

Câu 8: Căn cứ vào tiêu chí/ đặc điểm nào để phân chia các loại thị trường như thị trường vàng, thị trường bảo hiểm, thị trường bất động sản?

- A. Phạm vi hoạt động B. Đối tượng hàng hoá
C. Tính chất và cơ chế vận hành D. Vai trò của các đối tượng mua bán

Câu 9: Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của thị trường?

- A. Cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường.
B. Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
C. Cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng.
D. Thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá

Câu 10: Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

- A. biểu hiện giá trị hàng hóa. B. làm môi giới trao đổi
C. thông tin giá cả hàng hóa. D. trao đổi hàng hóa.

Câu 11: Các nhân tố cơ bản của thị trường là

- A. hàng hoá, giá cả, địa điểm mua bán. B. hàng hoá, tiền tệ, giá cả.
C. hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán. D. tiền tệ, người mua, người bán.

Câu 12: Thị trường giúp người tiêu dùng điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất là thể hiện chức năng nào sau đây?

- A. Cung cấp thông tin. B. Tiền tệ thế giới.
C. Thúc đẩy độc quyền. D. Phương tiện cất trữ.

Câu 13: Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

- A. Thương – phạt. B. Cho – nhận. C. Trên – dưới D. Mua – bán.

Câu 14: Theo phạm vi của quan hệ mua bán, thị trường được phân chia thành thị trường

- A. trong nước và quốc tế. B. hoàn hảo và không hoàn hảo.

C. truyền thông và trực tuyến.

D. cung - cầu về hàng hóa.

Câu 15: Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

A. trao đổi hàng hóa.

B. thực hiện hàng hóa.

C. đánh giá hàng hóa.

D. thông tin.

Câu 16: Khi người bán đem hàng hoá ra thị trường, hàng hoá nào thích hợp với nhu cầu của xã hội thì bán được, điều đó thể hiện chức năng nào của thị trường?

A. Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể

B. Kích thích sự sáng tạo của mỗi chủ thể kinh tế

C. Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng

D. Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới

Câu 17: Bên cạnh chức năng thừa nhận và chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng, thị trường còn có chức năng

A. thực hiện.

B. thông tin.

C. mua – bán.

D. kiểm tra.

Câu 18: Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

A. cung – sản xuất.

B. cung – cạnh tranh.

C. cung – cầu.

D. cung – nhà nước

Câu 19: Việc phân chia thị trường thành thị trường tư liệu sản xuất - thị trường tư liệu tiêu dùng dựa trên cơ sở nào?

A. Phạm vi các quan hệ mua bán, trao đổi.

B. Vai trò của các đối tượng mua bán, trao đổi.

C. Đối tượng mua bán, trao đổi.

D. Tính chất của các mối quan hệ mua bán, trao đổi.

Câu 20: Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên vai trò của đối tượng giao dịch, mua bán

A. Thị trường gạo, cà phê, thép.

B. Thị trường tiêu dùng, lao động.

C. Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo.

D. Thị trường trong nước và quốc tế.

Câu 21: Tiền tệ thực hiện chức năng nào sau đây khi tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa?

A. Phương tiện cất trữ.

B. Thước đo giá trị.

C. Phương tiện lưu thông.

D. Phương tiện thanh toán.

Câu 22: Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên phạm vi không gian của đối tượng giao dịch, mua bán

A. Thị trường tiêu dùng, lao động.

B. Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo.

C. Thị trường gạo, cà phê, thép.

D. Thị trường trong nước và quốc tế.

Câu 23: Thị trường giúp người bán đưa ra các quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận là thể hiện chức năng nào sau đây?

A. Thước đo giá trị.

B. Cung cấp thông tin.

C. Xóa bỏ cạnh tranh.

D. Công cụ thanh toán.

Câu 24: Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên đối tượng giao dịch, mua bán

A. Thị trường gạo, cà phê, thép.

B. Thị trường tiêu dùng, lao động.

C. Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo.

D. Thị trường trong nước và quốc tế.

Câu 25: Việc phân chia các loại thị trường như thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trường lao động, thị trường khoa học – công nghệlà căn cứ vào

A. vai trò sản phẩm.

B. tính chất vận hành.

C. phạm vi không gian.

D. đối tượng giao dịch, mua bán.

BÀI 5: GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Câu 1: Trong nền kinh tế hàng hóa, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mặt tích cực của cơ chế thị trường?

A. Hạ giá thành sản phẩm.

B. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

C. Đổi mới công nghệ sản xuất.

D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 2: Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

- A. giá trị sử dụng
- B. tiêu dùng sản phẩm.
- C. phân phối sản phẩm.
- D. giá cả hàng hoá.

Câu 3: Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, việc điều tiết của cơ chế thị trường được ví như

- A. thượng đế
- B. mệnh lệnh.
- C. ý niệm tuyệt đối.
- D. bàn tay vô hình.

Câu 4: Giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định được gọi là

- A. giá cả cá biệt.
- B. giá cả thị trường.
- C. giá trị thặng dư.
- D. giá trị sử dụng.

Câu 5: Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

- A. phân phối sản phẩm.
- B. tiêu dùng sản phẩm.
- C. giá cả hàng hoá.
- D. giá trị sử dụng

Câu 6: Hệ thống các quan hệ mang tính điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế được gọi là:

- A. Thị trường.
- B. Cơ chế thị trường.
- C. Giá cả thị trường.
- D. Kinh tế thị trường.

Câu 7: Một trong những tác động tích cực của cơ chế thị trường là

- A. tăng cường đầu cơ tích trữ.
- B. hủy hoại môi trường sống.
- C. xuất hiện nhiều hàng giả.
- D. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 8: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế vì nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. đầu tư đổi mới công nghệ.
- B. bán hàng giả gây rối thị trường.
- C. hủy hoại tài nguyên thiên nhiên.
- D. xả trực tiếp chất thải ra môi trường.

Câu 9: Câu tục ngữ "Cá lớn nuốt cá bé" chỉ quy luật kinh tế nào?

- A. Quy luật cạnh tranh
- B. Quy luật lưu thông tiền tệ
- C. Quy luật cung - cầu
- D. Quy luật giá trị

Câu 10: Hành vi nào sau đây là biểu hiện của sự cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Đầu cơ tích trữ để nâng giá.
- B. Khuyến mãi giảm giá.
- C. Hạ giá thành sản phẩm.
- D. Tư vấn công dụng sản phẩm.

Câu 11: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế vì nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. khai thác cạn kiệt tài nguyên.
- B. đổi mới quản lý sản xuất.
- C. kích thích đầu cơ găm hàng.
- D. hủy hoại môi trường.

Câu 12: Trong nền kinh tế hàng hóa, khi các quan hệ kinh tế tự điều chỉnh theo yêu cầu của các quy luật kinh tế cơ bản được gọi là

- A. cơ chế quan liêu.
- B. cơ chế phân phối
- C. cơ chế thị trường
- D. cơ chế bao cấp.

Câu 13: Một trong những cơ chế kinh tế được các quốc gia vận dụng để điều hành nền kinh tế đó là

- A. cơ chế tự cung tự cấp.
- B. cơ chế kế hoạch hoá tập trung.
- C. Cơ chế chỉ huy của Chính phủ.
- D. Cơ chế thị trường.

Câu 14: Bao gồm hệ thống các quan hệ kinh tế, cùng với đó cơ chế tự điều chỉnh thông qua các quy luật kinh tế cơ bản là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. cơ chế tự điều tiết.
- B. cơ chế tự cân bằng.
- C. cơ chế thị trường.
- D. cơ chế rủi ro.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về cơ chế thị trường?

- A. Cơ chế thị trường luôn luôn mang tính chất năng động, tích cực trong kinh tế thị trường.
- B. Cơ chế thị trường kích thích mọi doanh nghiệp cải tiến kĩ thuật, hợp lí hoá sản xuất, đổi mới khoa học công nghệ ứng dụng.
- C. Cơ chế thị trường kích thích mọi doanh nghiệp phải linh hoạt để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.
- D. Cơ chế thị trường kích thích tối đa hoạt động của các chủ thể kinh tế hướng đến mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá chi phí.

Câu 16: Giá cả thị trường chịu **không** chịu tác động của yếu tố nào dưới đây

- A. Quy luật giá trị.
- B. Niềm tin tôn giáo.
- C. Quan hệ cung cầu sản phẩm.
- D. Thị hiếu người tiêu dùng.

Câu 17: Giá cả thị trường chịu tác động của yếu tố nào dưới đây

- A. Bộ trưởng thương mại.
- B. Chủ tịch hội đồng quản trị.
- C. Người mua.
- D. Nhà quản lý tiềm năng.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của giá cả?

- A. Cung cấp thông tin để các chủ thể kinh tế điều chỉnh.
- B. Giá cả điều tiết quy mô sản xuất của các doanh nghiệp.
- C. Giá cả điều tiết hành vi của người tiêu dùng.
- D. Giá cả thúc đẩy sự bất bình đẳng xã hội.

Câu 19: Nhận định nào dưới đây nói về nhược điểm của cơ chế thị trường.

- A. Thúc đẩy phát triển kinh tế.
- B. Kích thích đổi mới công nghệ.
- C. Làm cho môi trường bị suy thoái.
- D. Khai thác tối đa mọi nguồn lực.

Câu 20: Trong nền kinh tế hàng hóa, giá cả thị trường được hình thành thông qua việc thỏa thuận giữa các chủ thể kinh tế tại

- A. quốc gia giàu có.
- B. thời điểm cụ thể.
- C. một cơ quan nhà nước.
- D. một địa điểm giao hàng.

CHỦ ĐỀ 8

BÀI 17: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

Câu 1: Bất kì ai trong điều kiện hoàn cảnh nhất định cũng phải xử sự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

- A. Tính cưỡng chế.
- B. Tính quyền lực bắt buộc chung.
- C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 2: Luật hôn nhân gia đình quy định điều kiện kết hôn giữa nam và nữ áp dụng cho tất cả mọi người, không có ngoại lệ phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
- B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây **là sai** khi nói về vai trò quản lý xã hội của pháp luật?

- A. Vì pháp luật đảm bảo tính công bằng dân chủ.
- B. Vì pháp luật có tính phổ biến bắt buộc chung.
- C. Vì pháp luật bảo đảm phù hợp với lợi ích chung.
- D. Vì pháp luật không bao giờ thay đổi.

Câu 4: Những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính chặt chẽ về hình thức.
- B. Tính kỉ luật nghiêm minh.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 5: Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- C. Hiệu lực tuyệt đối.
- D. Khả năng đảm bảo thi hành cao.

Câu 6: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính công khai.
- B. Tính dân chủ.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
- D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 7: Luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất là gì?

- A. Nghị định.
- B. Chỉ thị.
- C. Hiến pháp.
- D. Thông tư.

Câu 8: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức nếu vi phạm pháp pháp luật đều phải bị xử lý như nhau. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quyền lực bắt buộc chung.
- B. Tính công khai.

C. Tính dân chủ.

D. Tính qui phạm phổ biến.

Câu 9: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

A. Cưỡng chế mọi nghĩa vụ của công dân.

B. Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.

C. Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân.

D. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Câu 10: Tính quy phạm phổ biến của pháp luật là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội cho nên nó gắn liền với các

A. quy tắc bắt buộc chung.

B. quy tắc xử sự chung.

C. quy tắc bắt buộc riêng.

D. quy tắc xử sự riêng.

Câu 11: Văn bản pháp luật phải chính xác, dễ hiểu để người dân bình thường cũng có thể hiểu được là đặc điểm nào sau đây của pháp luật?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính cưỡng chế.

Câu 12: Đặc điểm nào của pháp luật là quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội?

A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

B. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 13: Phát biểu nào **sai** khi nói về pháp luật?

A. Pháp luật do Quốc hội thông qua.

B. Pháp luật bảo đảm bằng sức mạnh quyền lực của Nhà nước.

C. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội thống nhất.

D. Pháp luật là phương tiện duy nhất để Nhà nước quản lý xã hội.

Câu 14: Đặc điểm nào của pháp luật là ranh giới để phân biệt pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác?

A. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

D. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

Câu 15: Việc làm nào dưới đây thể hiện pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội?

A. Kiểm tra các hoạt động kinh doanh của cá nhân.

B. Tổ cáo nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật.

C. Đăng kí kinh doanh khi có đủ điều kiện hợp pháp.

D. Đề nghị xem xét lại quyết định của cơ quan nhà nước.

Câu 16: Căn cứ vào Luật Giao thông đường bộ, cảnh sát giao thông đã xử phạt những người vi phạm để đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Trong những trường hợp này pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

A. Là công cụ để bảo vệ trật tự an toàn giao thông.

B. Là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.

C. Là công cụ để nhận dân đấu tranh với người vi phạm.

D. Là phương tiện để nhà nước trừng trị kẻ phạm tội.

Câu 17: Dấu hiệu nào sau đây của pháp luật là một trong những đặc điểm để phân biệt pháp luật với đạo đức

A. pháp luật không bắt buộc đối với trẻ em.

B. pháp luật bắt buộc đối với cán bộ công chức.

C. pháp luật bắt buộc đối với người phạm tội.

D. pháp luật bắt buộc đối với mọi cá nhân tổ chức.

Câu 18: Pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của nhà nước là đặc điểm nào của pháp luật?

A. tính xác định chặt chẽ về hình thức

B. tính quy phạm phổ biến

C. tính quyền lực bắt buộc chung

D. tính cưỡng chế

Câu 19: Những quy tắc xử sự chung về những việc được làm, những việc phải làm, những việc không được làm, những việc cấm đoán là phản ánh nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Kinh tế.

B. Đạo đức.

C. Pháp luật.

D. Chính trị.

Câu 20: Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

- A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- B. Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân.
- C. Cường chế mọi nghĩa vụ của công dân.
- D. Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.

Câu 21: Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

- A. lợi ích kinh tế của mình.
- B. quyền và nghĩa vụ của mình.
- C. các quyền của mình.
- D. quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Câu 22: Đặc điểm nào của pháp luật làm nên giá trị công bằng, bình đẳng, vì bất kì ai ở trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định cũng phải xử sự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định?

- A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- B. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính quyền lực, bắt buộc chung .

Câu 23: Pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh của quyền lực nhà nước. Nhận định này thể hiện đặc điểm nào sau đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- C. Tính quyền lực bắt buộc chung.
- D. Tính hiệu lực bắt buộc chung.

Câu 24: Nhờ chị S có hiểu biết về pháp luật nên tranh chấp về đất đai giữa gia đình chị với gia đình anh P đã được giải quyết ổn thỏa. Trường hợp này cho thấy pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

- A. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- B. Bảo vệ quyền tham gia và quản lý xã hội.
- C. Bảo vệ quyền và tài sản của công dân.
- D. Bảo vệ quyền dân chủ của công dân.

Câu 25: Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng đã quyết định xử phạt việc chị K khi kinh doanh hàng mĩ phẩm không đảm bảo chất lượng. Việc làm của Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính kỉ luật nghiêm minh.
- B. Tính chặt chẽ về hình thức.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính quyền lực bắt buộc chung.

Câu 26: Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

- A. các quyền của mình.
- B. quyền và lợi ích hợp pháp của mình.
- C. lợi ích kinh tế của mình.
- D. quyền và nghĩa vụ của mình.

Câu 27: Trên đường phố tất cả mọi người nghiêm chỉnh chấp hành quy định của luật giao thông đường bộ là phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
- B. Tính quy phạm phổ biến.
- C. Tính quyền lực, bắt buộc chung .
- D. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

Câu 28: Phát biểu nào **sai** khi nói về pháp luật?

- A. Pháp luật không phù hợp với quyền lợi, nghĩa vụ chung.
- B. Pháp luật có tính quy phạm phổ biến trong xã hội.
- C. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội thống nhất.
- D. Pháp luật bảo đảm tính công bằng, dân chủ.

Câu 29: Pháp luật là phương tiện để Nhà nước

- A. bảo vệ các giai cấp.
- B. bảo vệ các công dân.
- C. quản lý xã hội.
- D. quản lý công dân.

Câu 30: Khi biết chị T mang thai, giám đốc công ty X đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng với chị, chị đã làm đơn khiếu nại lên ban giám đốc công ty. Trong trường hợp này, pháp luật có vai trò như thế nào ?

- A. Nhà nước quản lý các tổ chức.
- B. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.
- C. Nhà nước quản lý công dân.
- D. Thực hiện nghĩa vụ hợp pháp của công dân.

BÀI 19: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

Câu 1: Là người kinh doanh, ông A luôn áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Vậy, ông A đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Thi hành pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- D. Tôn trọng pháp luật.

Câu 2: Phát hiện một cơ sở kinh doanh cung cấp thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh, T đã báo với cơ quan chức năng để kiểm tra và kịp thời ngăn chặn. T đã thực hiện hình thức

- A. thi hành pháp luật
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Từ chối kê khai thông tin dịch tễ.
- B. Ủy quyền nghĩa vụ bầu cử.
- C. Hỗ trợ việc cấp đổi căn cước.
- D. Hỗ trợ người nhập cảnh trái phép.

Câu 4: Công dân thi hành pháp luật khi

- A. ủy quyền nghĩa vụ bầu cử.
- B. hoàn thiện hồ sơ đăng kiểm.
- C. tìm hiểu thông tin nhân sự.
- D. sàng lọc giới tính thai nhi.

Câu 5: Hành vi nào dưới đây thể hiện công dân sử dụng pháp luật?

- A. Người kinh doanh trốn thuế phải nộp phạt.
- B. Công ty X thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định pháp luật.
- C. Các bên tranh chấp phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình .
- D. Anh A và chị B đến tòa án để li hôn.

Câu 6: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có sự tham gia của cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền?

- A. Sử dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Áp dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 7: Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

- A. sử dụng vũ khí trái phép.
- B. nộp thuế đầy đủ theo quy định.
- C. bảo vệ an ninh quốc gia.
- D. thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

Câu 8: Công dân thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Thay đổi quyền nhân thân.
- B. Bảo vệ Tổ quốc.
- C. Bảo trợ người khuyết tật.
- D. Hiến máu nhân đạo.

Câu 9: Người kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 10: Khi tham gia vào các quan hệ xã hội, công dân đều xử sự phù hợp với quy định của pháp luật là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Ban hành pháp luật.
- B. Giáo dục pháp luật.
- C. Phổ biến pháp luật.
- D. Thực hiện Pháp luật.

Câu 11: Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

- A. nhận xét ứng cử viên.
- B. sử dụng giấy tờ giả.
- C. hỗ trợ cấp đổi căn cước.
- D. cung cấp thông tin cá nhân.

Câu 12: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức sử dụng đúng các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép?

- A. Sử dụng pháp luật.
- B. Thi hành pháp luật.
- C. Tuân thủ pháp luật.
- D. Áp dụng pháp luật.

Câu 13: Trên đường đi học về, gặp trời mưa to, cháu B học sinh lớp 7 đã chủ động thu dọn rác thải tích tụ tại miệng cống thoát nước để giảm tình trạng ngập úng. Cháu B đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Phổ cập pháp luật.
- B. sử dụng pháp luật.
- C. Áp dụng pháp luật.
- D. Thực thi pháp luật.

Câu 14: Chị Q sử dụng vỉ hè để bán hàng ăn sáng là **không** thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Thi hành pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Tiếp cận thông tin kinh tế.

B. Làm giả nhãn hiệu hàng hóa.

C. Đăng nhập thông tin trực tuyến.

D. Đăng ký nhập học trước tuổi.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Hợp tác để làm giả giấy khám bệnh.

B. Độc lập lựa chọn ứng cử viên.

C. Ủng hộ công tác phòng chống dịch.

D. Công khai danh tính người tố cáo.

Câu 17: Anh D là trưởng đoàn thanh tra liên ngành lập biên bản xử phạt và tịch thu toàn bộ số mỹ phẩm giả mà cơ sở T đã sản xuất. Anh D đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Phổ biến pháp luật

B. Sử dụng pháp luật

C. Tuân thủ pháp luật

D. Áp dụng pháp luật

Câu 18: Theo quy định của pháp luật, công dân tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Giao nộp người nhập cảnh trái phép.

B. Đăng ký nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi.

C. Tố cáo người nhập cảnh trái phép.

D. Cung cấp thông tin người nhập cảnh trái phép.

Câu 19: Người có thẩm quyền đã áp dụng pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Thay đổi nội dung di chúc.

B. ủy quyền giao nhận hàng hóa.

C. Xóa bỏ các loại cạnh tranh.

D. Thu hồi giấy phép kinh doanh.

Câu 20: Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm. Trong trường hợp này, cảnh sát giao thông đã

A. tuân thủ pháp luật.

B. sử dụng pháp luật.

C. thi hành pháp luật.

D. áp dụng pháp luật.

Câu 21: Cơ quan công chức nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xử lý người vi phạm pháp luật là hình thức

A. áp dụng pháp luật.

B. sử dụng pháp luật.

C. tuân thủ pháp luật.

D. thi hành pháp luật.

Câu 22: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có chủ thể thực hiện khác với các hình thức còn lại?

A. Áp dụng PL.

B. Sử dụng PL.

C. Thi hành PL.

D. Tuân thủ PL.

Câu 23: Bạn L viết bài chia sẻ về lí tưởng sống của thanh niên hiện nay để đăng lên trang Web của nhà trường. Bạn L đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 24: Cá nhân, tổ chức sử dụng pháp luật tức là làm những gì mà pháp luật

A. cho phép làm.

B. quy định phải làm.

C. quy định cho làm.

D. không cho phép làm.

Câu 25: Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh tùy theo khả năng và sở thích của mình là thực hiện pháp luật theo hình thức nào?

A. Áp dụng pháp luật

B. Sử dụng pháp luật.

C. Phổ biến pháp luật.

D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 26: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ, không chủ động thực hiện cũng bị bắt buộc phải thực hiện?

A. Thi hành pháp luật.

B. Sử dụng pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

D. Áp dụng pháp luật.

Câu 27: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là

A. áp dụng pháp luật

B. tuân thủ pháp luật

C. sử dụng pháp luật

D. thi hành pháp luật

Câu 28: Chỉ cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền mới được

A. thi hành pháp luật.

B. áp dụng pháp luật.

C. tuân thủ pháp luật.

D. sử dụng pháp luật.

Câu 29: ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận đăng kí kết hôn cho anh A và chị B là thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Áp dụng pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

B. Phổ biến pháp luật.

D. Giáo dục pháp luật

Câu 30: Công dân thi hành pháp luật khi

A. che giấu người nhập cảnh trái phép.

C. nộp thuế đầy đủ theo quy định.

B. đề nghị thay đổi nơi bỏ phiếu.

D. từ chối khai báo tạm trú theo quy định.

Câu 31: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Giao nộp người nhập cảnh trái phép.

C. Xả thải trực tiếp ra môi trường

B. Công khai danh tính người mắc bệnh.

D. Gửi đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 32: Học sinh đến trường học tập là biểu hiện của hình thức

A. Sử dụng pháp luật.

C. Thi hành pháp luật.

B. Áp dụng pháp luật.

D. Tuân thủ pháp luật.

Câu 33: Không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện là công dân **không** thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Áp dụng pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

D. Sử dụng pháp luật.

Câu 34: Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm 100.000 đồng. Trong trường hợp này, cảnh sát giao thông đã

A. tuân thủ pháp luật. B. áp dụng pháp luật.

C. sử dụng pháp luật.

D. thi hành pháp luật.

Câu 35: Công dân thi hành pháp luật khi

A. Đề nghị thay đổi giới tính.

C. Hoàn thiện hồ sơ ứng cử viên.

B. Hỗ trợ công tác bảo vệ rừng.

D. Sử dụng văn bằng giả.

Hết